

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ THI: ĐL K21.2-301

Câu 41: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có

- A. gió mùa hoạt động. B. nền nhiệt độ cao. C. tổng lượng mưa lớn. D. khí hậu phân mùa.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào sau đây **không** chạy bằng than?

- A. Phả Lại. B. Uông Bí. C. Ninh Bình. D. Phú Mỹ.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Tây Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 44: Sản phẩm nào sau đây của nước ta **không** thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

- A. Đường mía. B. Chè búp khô. C. Pho mát. D. Cà phê.

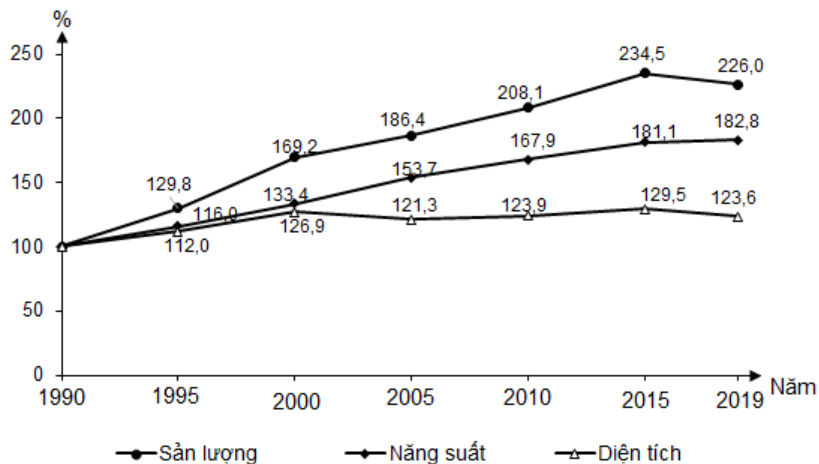
Câu 45: Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

- A. Số dân thành thị đang tăng lên liên tục. B. Tỷ lệ dân thành thị không có thay đổi.
C. Tốc độ đô thị hoá nhanh, trình độ cao. D. Số lượng đô thị ở các vùng như nhau.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Bình Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 47: Cho biểu đồ:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2019.

(Nguồn theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất lúa của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2019?

- A. Diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm đều có xu hướng tăng.
B. Sản lượng lúa cả năm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và liên tục.
C. Cả năng suất và sản lượng lúa đều tăng liên tục với tốc độ cao.
D. Cả diện tích và sản lượng lúa có xu hướng giảm liên tục.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết dân tộc nào sau đây có số dân đông thứ hai trong dân số nước ta?

- A. Ê-đê. B. Kinh. C. Mường. D. Tày.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca D. Phu Luông.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình nhỏ nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 51: Cây trồng nào sau đây của nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

- A. Dâu tằm. B. Cao su. C. Cà phê. D. Hồ tiêu.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas trang 15, cho biết đô thị nào sau đây lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cần Thơ. B. Long Xuyên. C. Mỹ Tho. D. Cà Mau.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết phần lớn diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tập trung ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 54: Hiện nay, vùng chịu hạn, mặn nghiêm trọng nhất ở nước ta là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Hà Nội. D. Hải Dương.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây chiếm diện tích nhiều nhất ở đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất xám. B. Đất phù sa sông. C. Đất mặn. D. Đất cát biển.

Câu 57: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. địa hình nhiều đồi núi. B. nhiệt độ trung bình cao.
C. khí hậu khô hạn. D. độ ẩm không khí lớn.

Câu 58: Vấn đề nào sau đây có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay?

- A. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
B. Phát triển nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.
C. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
D. Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Bỉm Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Quảng Bình. C. Thanh Hóa. D. Quảng Ngãi.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết thảm thực vật rừng ngập mặn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 61: Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế ở nước ta đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ chủ yếu do

- A. phân công lao động giữa các ngành chưa hợp lí.
B. thành tựu khoa học kĩ thuật và công cuộc đổi mới.
C. phân bố lao động không đồng đều giữa các vùng.
D. tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và luôn ổn định.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu.
D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Đại Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Thuận. B. Khánh Hòa. C. Phú Yên. D. Ninh Thuận.

Câu 64: Vùng nào sau đây của nước ta có mật độ dân số cao nhất hiện nay?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 65: Cơ cấu sản xuất công nghiệp theo ngành của nước ta đang thay đổi theo hướng

- A. chỉ tập trung các ngành công nghệ cao. B. phát triển một số ngành trọng điểm.
C. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác. D. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 66: Cho bảng số liệu :

CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2019

(Đơn vị: %)

Năm	1990	2005	2009	2019
Thành thị	19,5	26,9	29,6	34,4
Nông thôn	80,5	73,1	70,4	65,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Dân số thành thị tăng chậm hơn dân nông thôn.
- B. Tỷ lệ dân thành thị tăng liên tục nhưng còn thấp.
- C. Mật độ dân số ở nông thôn cao ở hơn thành thị.
- D. Đại bộ phận dân cư nước ta sinh sống ở thành thị.

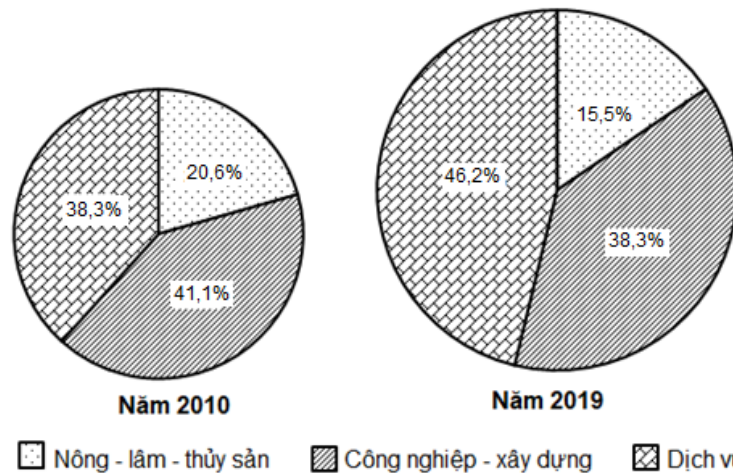
Câu 67: Khó khăn về tự nhiên làm gián đoạn thời gian khai thác thủy sản ở nước ta trong năm là

- A. có nhiều bão và gió mùa Đông Bắc.
- B. các dòng biển hoạt động theo mùa.
- C. nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.
- D. môi trường ven biển bị ô nhiễm.

Câu 68: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng.
- B. Sóc Trăng.
- C. Bến Tre.
- D. Bình Thuận.

Câu 69: Cho biểu đồ về GDP nước ta.



(Nguồn theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tổng giá trị GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2019.
- B. Sự thay đổi cơ cấu GDP của nước ta năm 2010 và 2019.
- C. Quy mô và cơ cấu GDP của nước ta năm 2010 và 2019.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta năm 2010 và 2019.

Câu 70: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc là

- A. khối khí hướng Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
- B. Tín phong bán cầu Bắc và hoạt động của bão.
- C. Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.
- D. khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương và bão.

Câu 71: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Chất lượng giống vật nuôi tốt, cơ sở thức ăn được đảm bảo.
- B. Thị trường tiêu thụ mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.
- C. Dịch vụ thú y nhiều tiến bộ, lao động ngày càng chuyên nghiệp.
- D. Đảm bảo tốt an ninh lương thực, nhu cầu xuất nhập khẩu lớn.

Câu 72: Khó khăn lớn nhất về khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. sự phân hóa theo độ cao của khí hậu.
- B. hiện tượng khô nóng diễn ra quanh năm.
- C. sự phân hóa mùa khô - mưa sâu sắc.
- D. sự phân hoá khí hậu theo chiều Bắc - Nam.

Câu 73: Cơ sở để nước ta xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu dựa trên

- A. lợi thế về nguồn nguyên nhiên liệu.
- B. khả năng thích nghi với thị trường.
- C. khả năng thu hút đầu tư nước ngoài.
- D. thế mạnh về nguồn lao động dồi dào.

Câu 74: Sông ngòi nước ta có tổng lượng nước cả năm lớn chủ yếu do

- A. khí hậu nhiệt đới, mưa nhiều, giáp biển. B. lượng mưa bổ sung lớn từ bão nhiệt đới.
C. dải hội tụ hoạt động suốt từ Bắc vào Nam. D. tiếp nhận nước từ lưu vực ngoài lãnh thổ.

Câu 75: Phần lãnh thổ phía Nam có biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ chủ yếu do

- A. có vị trí xa chí tuyến, gần Xích đạo, giáp biển Đông.
B. chịu tác động mạnh của gió Tín phong bán cầu Bắc.
C. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc lạnh.
D. khoảng cách hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh xa nhau.

Câu 76: Tỉ suất sinh thô ở nước ta giảm và đang ở mức trung bình thế giới chủ yếu do

- A. dân số đông, cơ cấu dân số đang già hoá rất nhanh.
B. chính sách dân số triệt để, tình trạng kết hôn muộn.
C. số người trong độ tuổi sinh đẻ đang giảm rất mạnh.
D. nhận thức tiến bộ của người dân, kinh tế phát triển.

Câu 77: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến vấn đề thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tốc độ đô thị hoá nhanh, ngành nghề nông thôn giảm.
B. Dân số đông đảo và chất lượng lao động còn rất thấp.
C. Phân bố lao động còn chưa hợp lý, tài nguyên hạn chế.
D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lao động đông đảo.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2019

Năm	Trâu (nghìn con)	Bò (nghìn con)	Lợn (nghìn con)	Gia cầm (triệu con)
2005	2922,2	5540,7	27435,0	219,9
2010	2877,0	5808,3	27373,3	300,5
2015	2524,0	5367,2	27750,7	314,9
2019	2387,9	6060,0	19615,5	481,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu trên, để thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm của nước ta giai đoạn 2005-2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 79: Nguyên nhân chủ yếu làm cho mùa mưa của duyên hải Trung Bộ đến muộn hơn so với các nơi khác là do

- A. phơn vào đầu hạ, gió hướng đông bắc gây mưa.
B. các khối khí ẩm giao tranh từ biển di chuyển vào.
C. ảnh hưởng sâu sắc của dải hội tụ và bão nhiệt đới.
D. vị trí giáp biển, địa hình thấp dần ra phía Đông.

Câu 80: Các đô thị ven biển của nước ta có khả năng thu hút đầu tư lớn chủ yếu do

- A. cơ cấu kinh tế hiện đại, khả năng liên kết cao.
B. dân đông, nhiều lao động kỹ thuật, hạ tầng tốt.
C. thị trường rộng, dân trí cao, sản xuất đa dạng.
D. có vị trí địa lý thuận lợi, thu hút nhiều lao động.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.